

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

Tên học phần (tiếng Việt) : Pháp luật quốc tế về quyền con người

Tên học phần(tiếng Anh) : International Law on human right

Mã học phần : **LA3004**

Thuộc khối kiến thức : Đại cương ☐; Cơ sở khối ngành; ☐
 Cơ sở ngành ☐; Chuyên ngành ☐; Tốt nghiệp ☐

Khoa, Bộ môn phụ trách : Khoa Kinh tế - Quản trị, Bộ môn Luật

Số tín chỉ (LT, TH, Tự học) : 3(3,0,6)

Số giờ lý thuyết : 45

Số giờ thực hành : 0

Số giờ tự học : 90

Học phần tiên quyết :

Học phần học trước : Luật hiến pháp

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (Course description)

Học phần Pháp luật quốc tế về quyền con người cung cấp các kiến thức lý luận và pháp lý về quyền con người, môn học này góp phần thay đổi nhận thức, hành vi của các chủ thể trong việc bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người của bản thân và của người khác. Thêm vào đó, môn học này cũng góp phần hình thành ý thức trách nhiệm của người học với sự tồn tại và phát triển hòa bình của cộng đồng, dân tộc mình và toàn nhân loại, thông qua việc phổ biến những giá trị bình đẳng, khoan dung, nhân đạo, tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau và tình hữu nghị giữa các quốc gia, dân tộc, chủng tộc và các nhóm xã hội.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course goals)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ:

Ký hiệu (Ox)	Mục tiêu học phần
O1	Hệ thống hóa và hiểu được những kiến thức cơ bản về lý luận, thực tiễn của pháp luật quốc tế về quyền con người. Vận dụng được những kiến thức cần thiết để áp dụng pháp luật quốc tế về quyền con người vào giải quyết các tình huống.
O2	Biết cách khai thác các văn bản quy phạm pháp luật quốc tế về quyền con người Có khả năng trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân mạch lạc, thuyết phục về các vấn đề pháp lý liên quan đến pháp luật quốc tế về quyền con người.
O3	Chủ động, sáng tạo, nhạy bén trong nhận định các vấn đề. Trau dồi đạo, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá, Rèn luyện kỹ năng bình luận, thuyết trình trước công chúng, Rèn luyện kỹ năng, Có khả năng đưa ra đánh giá toàn diện các vấn đề của pháp luật quốc tế về quyền con người.
O4	Có ý thức tôn trọng pháp luật, đặc biệt là tôn trọng các quy định của pháp luật quốc tế về quyền con người. Có quan điểm đúng đắn về quyền con người. Có ý thức vận dụng các kiến thức pháp luật quốc tế về quyền con người đã học vào cuộc sống và công việc

4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (Course learning outcomes - CLOs)

Ox	CLOx	PLOx
O1, O2, O3	CLO1. Phân tích, hệ thống hóa được kiến thức pháp luật quốc tế về quyền con người. Giải thích và phát hiện những ưu nhược điểm của các quy định pháp luật quốc tế về quyền con người.	PLO1, PLO2

O1, O2, O3, O4	CLO2. Biết lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi, kiểm tra hoạt động Có khả năng áp dụng pháp luật quốc tế về quyền con người vào thực tiễn.	PLO2, PLO3
O1, O2, O3	CLO3. Thuyết trình được. Có khả năng lập luận, phản biện để bảo vệ quan điểm cá nhân về các vấn đề liên quan đến pháp luật quốc tế về quyền con người.	PLO7, 10
O1, O2, O3, O4	CLO4. Vận dụng được các kiến thức pháp luật quốc tế về quyền con người để áp dụng vào thực tế đời sống. Biết cách bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong giao dịch dân sự dựa trên hiểu biết pháp luật quốc tế về quyền con người.	PLO3, PLO6, PLO7, PLO13
O1, O2, O3, O4	CLO5. Biết cách tìm kiếm, tra cứu, lựa chọn tài liệu để thực hiện các việc nghiên cứu liên quan đến pháp luật quốc tế về quyền con người	PLO5, PLO6, PLO10
O1, O2, O3, O4	CLO6. Biết hợp tác, làm việc trong nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề pháp luật quốc tế về quyền con người .	PLO13, PLO14

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH DẠY HỌC (Course content, Lesson plan)

Buổi học (03 tiết)	Nội dung	CLO	Hoạt động dạy và học	Hoạt động đánh giá (Ax)
	Chương 1: TỔNG QUAN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI			
1	1.1. Khái niệm quyền con người	1,2,3	- Thuyết	A1.1

	1.2. Nguồn gốc của quyền con người 1.3. Tính chất của quyền con người.		giảng; - Thảo luận	
2	1.4. Đặc điểm của quyền con người 1.5. Lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người 1.6. Phân loại quyền con người	1,2,3	- Thuyết giảng; - Thảo luận	A1.2
	Chương 2: KHÁI QUÁT LUẬT QUỐC TẾ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI			
3	2.1. Đối tượng và điều chỉnh phương pháp của luật quốc tế về quyền con người. 2.2. Nguồn của luật quốc tế về quyền con người.	1, 2, 3, 4,5,6	- Thuyết giảng, - Thảo luận - Bài tập tình huống	A1.1
4	2.3. Mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và pháp luật quốc gia	1, 2, 3, 4,5,6	- Thuyết giảng, - Thảo luận - Bài tập tình huống	A1.2
	Chương 3: CÁC QUYỀN DÂN SỰ VÀ CHÍNH TRỊ TRONG LUẬT QUỐC TẾ			
5	3.1. Khái niệm, đặc điểm quyền dân sự và chính trị. 3.2. Nội dung các quyền dân sự và chính trị chủ yếu	1, 2, 3, 4,5,6	- Thuyết giảng, - Thảo luận - Bài tập tình huống	A1.1
6	3.2. Nội dung các quyền dân sự và chính trị chủ yếu (tt)	1, 2, 3, 4,5,6	- Thuyết giảng, - Thảo luận - Bài tập tình huống	A1.1

	Chương 4: CÁC QUYỀN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA TRONG LUẬT QUỐC TẾ			
7	4.1. Khái niệm, đặc điểm quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. 4.2. Nội dung các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa chủ yếu	1, 2, 3, 4,5,6	- Thuyết giảng, - Thảo luận - Bài tập tình huống	A1.1
8	4.2. Nội dung các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa chủ yếu (tt)	1, 2, 3, 4,5,6	- Thuyết giảng, - Thảo luận - Bài tập tình huống	A1.1
9	4.2. Nội dung các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa chủ yếu (tt)	1, 2, 3, 4,5,6	- Thuyết giảng, - Thảo luận - Bài tập tình huống	A1.1
	Chương 5: LUẬT QUỐC TẾ VỀ QUYỀN CỦA MỘT SỐ NHÓM NGƯỜI DỄ BỊ TỒN THƯƠNG			
10	5.1. Quyền của phụ nữ trong Luật quốc tế.	1, 2, 3, 4,5,6	- Thuyết giảng, - Thảo luận - Bài tập tình huống	A1.1
11	5.2. Quyền của trẻ em trong Luật quốc tế.	1, 2, 3, 4,5,6	- Thuyết giảng, - Thảo luận - Bài tập tình huống	A1.1
12	5.3. Quyền của người khuyết tật trong Luật quốc tế.	1, 2, 3, 4,5,6	- Thuyết giảng, - Thảo luận	A1.1

			- Bài tập tình huống	
13	5.4. Quyền của lao động di trú trong Luật quốc tế.	1, 2, 3, 4,5,6	- Thuyết giảng, - Thảo luận - Bài tập tình huống	A1.1
14	Kiểm tra giữa kỳ	1, 2, 3, 4,5	Bài tập nhận định, trắc nghiệm	A2
	Hệ thống ôn tập, giải đáp thắc mắc	1, 2, 3, 4,5,6	- Thảo luận - Bài tập tình huống	A1.1
15	Kiểm tra cuối kỳ			A3

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

Chương 1: SV đọc *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội, 2016, trang 41-83.

Chương 2: SV đọc *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội, 2016, trang 131-139

Chương 3: SV đọc *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội, 2016, trang 185-250.

Chương 4: SV đọc *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội, 2016, trang 251-293.

Chương 5: SV đọc *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội, 2016, trang 295-411.

6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (Course assessment)

Hoạt động đánh giá	Phương pháp đánh giá	CLO	Tỷ lệ (%)
A1. Quá trình	A.1.1. Tham gia hoạt động học tập	CLO 1, 2, 3, 4, 5,6	3%
	A1.2. Làm Bài tập tình huống	CLO 1, 2, 3, 4, 5,6	3%

	<i>A1.3. Thuyết trình nhóm</i>	CLO 1, 2, 3, 4, 5,6	4%
A2. Giữa kỳ	<i>VD: Bài kiểm tra trắc nghiệm</i>	CLO 1, 2, 3, 4, 5,6	30%
A3. Cuối kỳ	<i>Bài kiểm tra tự luận</i>	CLO 1, 2, 3, 4, 5,6	60%
Tổng			100%

Công cụ đánh giá: (Rubric chỉ dùng để đánh giá kỹ năng, thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm)

Hoạt động đánh giá	Phương pháp đánh giá	CLO	Tỷ lệ (%)
A1. Quá trình	<i>A1.1. Tham gia hoạt động học tập</i>	CLO 1, 2, 3, 4, 5	4%
	<i>A1.2. Thuyết trình nhóm</i>	CLO 1, 2, 3, 4, 5,6	6%
A2. Giữa kỳ	<i>Bài kiểm tra nhận định, trắc nghiệm</i>	CLO 1, 2, 3, 4, 5,6	30%
A3. Cuối kỳ	<i>Bài kiểm tra tự luận</i>	CLO 1, 2, 3, 4, 5,6	60%
Tổng			100%

Công cụ đánh giá: (Rubric chỉ dùng để đánh giá kỹ năng, thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm)

Rubric của thành phần đánh giá A1.1 - Tham gia hoạt động học tập

Kiểm tra trên lớp	Giỏi (8-10đ)	Khá (6-7đ)	TB (5đ)	Yếu (3-4đ)	Kém (0-3đ)
Hỏi bài cũ, bài mới và làm bài tập tại lớp (G1, G2, G3, G4)	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập trong 8 – 10 buổi học	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập trong 6 – 7 buổi học	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập trong 2-3 buổi học	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 1 lần	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 0 lần
Điểm danh đi học đầy đủ (G4)	Đi học đầy đủ 100% các buổi điểm danh	Đi học 85% các buổi điểm danh	Đi học 60% các buổi điểm danh	Đi học 30% các buổi điểm danh	Không đi học

Rubric của thành phần đánh giá A1.2 - Thuyết trình nhóm

Kiểm tra trên lớp	Giỏi (8-10đ)	Khá (6-7đ)	TB (5đ)	Yếu (3-4đ)	Kém (0-3đ)
Chấm điểm bài thuyết trình có thời lượng 30 phút (G1, G2, G3, G4)	Nội dung và hình thức thuyết trình nhóm đạt yêu cầu 80 đến 100%	Nội dung và hình thức thuyết trình nhóm đạt yêu cầu 60 đến 80%	Nội dung và hình thức thuyết trình nhóm đạt yêu cầu 50 đến 60%	Nội dung và hình thức thuyết trình nhóm đạt yêu cầu 30 đến 50%	Nội dung và hình thức thuyết trình nhóm đạt yêu cầu dưới 30%

Rubric của thành phần đánh giá A2 - Bài kiểm tra nhận định, trắc nghiệm

Kiểm tra trên lớp	Giỏi (8-10đ)	Khá (6-7đ)	TB (5đ)	Yếu (3-4đ)	Kém (0-3đ)
Bài kiểm tra nhận định, trắc nghiệm 30 phút (G1, G2, G3, G4)	Trả lời đúng đáp án 80 đến 100%	Trả lời đúng đáp án 80 đến 100% 60 đến 80%	Trả lời đúng đáp án 80 đến 100% 50 đến 60%	Trả lời đúng đáp án 80 đến 100% 30 đến 50%	Trả lời đúng đáp án 80 đến 100% 30%

Rubric của thành phần đánh giá A3 - Bài kiểm tra tự luận

Kiểm tra trên lớp	Giỏi (8-10đ)	Khá (6-7đ)	TB (5đ)	Yếu (3-4đ)	Kém (0-3đ)
-------------------	--------------	------------	---------	------------	------------

					)
Bài kiểm tra nhận định, trắc nhiệm 90 phút (G1, G2, G3, G4)	Trả lời đúng đáp án 80 đến 100%	Trả lời đúng đáp án 80 đến 100% 60 đến 80%	Trả lời đúng đáp án 80 đến 100% 50 đến 60%	Trả lời đúng đáp án 80 đến 100% 30 đến 50%	Trả lời đúng đáp án 80 đến 100% 30%

7. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo qui định chung của trường.
- Sinh viên đọc trước slide bài giảng của học phần và những tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước mỗi buổi học.
- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn trên lớp, và các bài kiểm tra tại lớp: các điểm này sẽ được đánh giá vào cột điểm quá trình của sinh viên.

8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

8.1. Giáo trình dạy học

[1.] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội, 2016.

8.2. Tài liệu tham khảo

- [2]. Tuyên ngôn nhân quyền thế giới 1948
 [3]. Công ước về quyền dân sự, chính trị 1966
 [4]. Công ước về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa 1966

9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ BÀI TẬP HOẶC THỰC HÀNH

1. Laptop
2. Slides
3. Máy chiếu
4. Viết và bảng
5. Micro

Trưởng Khoa
 (ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng Bộ môn
 (ký và ghi rõ họ tên)

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021
Giảng viên 2
 (ký và ghi rõ họ tên) **Giảng viên 1**
 (ký và ghi rõ họ tên)

